

TRƯỜNG THCS KẾP

MÔN TOÁN 7

Năm học 2025 – 2026

(Thời gian làm bài: 90 phút)

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM).

Câu 1. Chọn khẳng định đúng:

- A.** $\frac{3}{2} \in \mathbb{Q}$. **B.** $\frac{3}{2} \in \mathbb{Z}$. **C.** $\frac{-9}{5} \notin \mathbb{Q}$. **D.** $-6 \in \mathbb{N}$.

Câu 2. Kết quả phép tính $\frac{3}{7} + \frac{4}{7}$ là:

- A.** $\frac{7}{14}$ **B.** $\frac{7}{49}$ **C.** 1 **D.** $\frac{11}{35}$.

Câu 3. Số nào sau đây là kết quả của phép tính $\frac{9}{5} : \left(-\frac{3}{4}\right)$ là :

- A.** $\frac{-12}{5}$ **B.** $\frac{3}{4}$ **C.** $\frac{12}{5}$ **D.** $\frac{2}{15}$

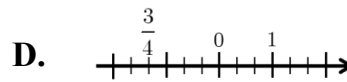
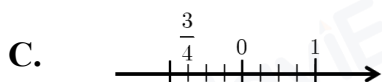
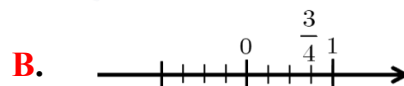
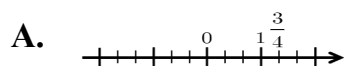
Câu 4: Cho số hữu tỉ x . Chọn khẳng định đúng?

- A.** $x^m \cdot x^n = x^{m \cdot n}$. **B.** $x^n = \underbrace{x + x + x + \dots + x}_{n \text{ số hạng}} \quad (n \in \mathbb{N}, n > 1)$.
C. $x^m : x^n = x^{m-n} \quad (x \neq 0; m \geq n)$. **D.** $(x^m)^n = x^{m+n}$.

Câu 5. Số đối của $\frac{-2}{3}$ là

- A.** $\frac{2}{3}$ **B.** $\frac{3}{2}$ **C.** $\frac{-3}{2}$ **D.** $\frac{2}{-3}$

Câu 6. Cách biểu diễn số $\frac{3}{4}$ trên trục số nào dưới đây đúng.



Câu 7. Khẳng định đúng trong các khẳng định sau là

- A.** Mọi số hữu tỉ đều lớn hơn 0. **B.** Mọi số hữu tỉ đều nhỏ hơn 0.
C. Chỉ có số hữu tỉ dương là lớn hơn 0. **D.** Chỉ có số 0, không phải là số hữu tỉ

Câu 8. Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là

- A.** $\mathbb{N}$ **B.** $\mathbb{N}^*$ **C.** $\mathbb{Q}$ **D.** $\mathbb{Z}$

Câu 9. Kết quả phép tính $2 \cdot \left(\frac{-3}{8}\right) + \frac{1}{2} \cdot \frac{1}{4}$ là:

A. $\frac{3}{8}$

B. $\frac{7}{8}$

C. $\frac{-7}{8}$

D. $\frac{5}{8}$

Câu 10. Kết quả của phép tính $\left(\frac{-3}{4}\right)^8 \cdot \left(\frac{-3}{4}\right)^2$ là

A. $\left(\frac{-3}{4}\right)^6$

B. $\left(\frac{-3}{4}\right)^{10}$

C. $\left(\frac{-3}{4}\right)^4$

D. $\left(\frac{-3}{4}\right)^{16}$

Câu 11: Với a, b, c là ba số hữu tỉ bất kì, nếu $a - b = c$ thì

A. $a = b + c$.

B. $a = -b + c$.

C. $a = b - c$.

D. $a = -b - c$.

Câu 12. Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào **sai**?

A. $\frac{-19}{21} > \frac{-17}{21}$

B. $\frac{31}{15} < \frac{10}{3}$

C. $-0,25 = \frac{1}{-4}$

D. $3\frac{2}{5} > 2\frac{4}{5}$

Câu 13: Căn bậc 2 của số không âm a là số x sao cho

A. $x = -a$

B. $x^2 = a$

C. $x^2 = \sqrt{a}$

D. $x = a^2$

Câu 14: Khẳng định nào sau đây **đúng**:

A. $3,23 < 3,32$

B. $-0,625 < -0,635$

C. $0,21 < 0,2$

D. $-2,25 > -1,25$

Câu 15. Hình lăng trụ đứng tam giác có số cạnh là

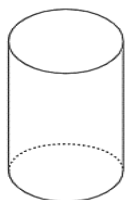
A. 8

B. 12

C. 9

D. 10

Câu 16. Hình nào sau đây là hình lăng trụ đứng tứ giác?



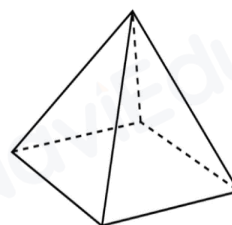
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 17: Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật có độ dài hai cạnh đáy là 6cm ; 8cm và chiều cao 10cm là:

A. $6.8.10(\text{cm}^2)$

B. $(6+8).10(\text{cm}^2)$

C. $6+8+10(\text{cm}^2)$

D. $2.(6+8).10(\text{cm}^2)$

Câu 18: Khẳng định nào sau đây đúng?

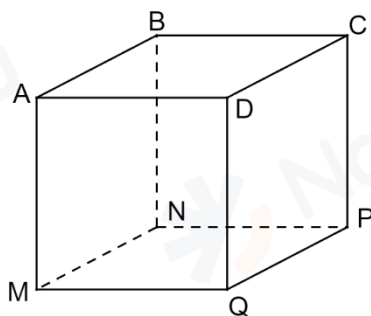
A. Hình hộp chữ nhật có 12 đỉnh, 8 cạnh.

B. Hình hộp chữ nhật có 8 đỉnh, 8 cạnh.

C. Hình hộp chữ nhật có 8 đỉnh, 12 cạnh.

D. Hình hộp chữ nhật có 12 đỉnh, 6 cạnh.

Câu 19: Phát biểu nào sau đây đúng về hình lập phương $ABCD.MNPQ$.



A. Bốn đường chéo AP, BP, CM, DB .

B. Ba góc vuông ở đỉnh A: góc DAB , góc DAM , góc MAB .

C. $AM = AB = AD = AC$.

D. Bốn mặt bên là $ABCD, MNPQ, AMNB, BNPC$.

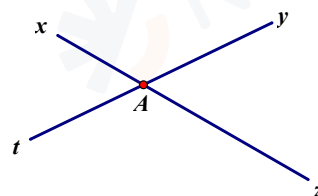
Câu 20. Cho hình vẽ sau. Góc đối đỉnh với góc $\widehat{xAt}$ là:

A. $\widehat{xAy}$

B. $\widehat{tAz}$

C. $\widehat{zAy}$

D. $\widehat{tAx}$



II. TỰ LUẬN (5 ĐIỂM)

Câu 21 (1,5 điểm). Thực hiện phép tính (hợp lý nếu có thể)

a) $\frac{5}{4} + \frac{-11}{20} + \frac{7}{10}$

b) $\left(\frac{-1}{2}\right)^2 \cdot \frac{13}{19} + \frac{6}{19} \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)^2$

c) $\frac{39}{5} + \left(\frac{9}{4} - \frac{9}{5}\right) - \left(1\frac{1}{4} + \frac{13}{7}\right)$

Câu 22 (1 điểm). Tìm x, biết

a) $\frac{8}{5}x - \frac{3}{5} = \frac{-1}{2}$

b) $2x + \frac{2}{3} = -0,2$

Câu 23: (1,5 điểm). Một bể bơi có dạng một hình hộp chữ nhật có chiều dài 8 m; chiều rộng 4 m; chiều sâu 0,5 m.

a) Tính thể tích của bể bơi.

b) Khi bể bơi không chứa nước, người ta cho một máy bơm, bơm nước vào bể mỗi phút bơm được 50 lít nước. Hỏi sau 5 giờ 5 phút bể đã đầy nước hay chưa?

Câu 24. (1,0 điểm)

Giá hiện tại của một chiếc điện thoại Iphone 16 Pro Max 256GB là 35000000 đồng.

Biết rằng cứ sau 2 tháng thì giá chiếc điện thoại này sẽ giảm 2% so với 2 tháng trước.

Chị Mai chỉ có 32500000 đồng, hỏi sau bao nhiêu tháng nữa thì chị Mai mua được chiếc điện thoại Iphone 16 Pro Max 256GB đó?

– Hết –

TRƯỜNG THCS KÉP

MÔN TOÁN 7

Năm học 2025 – 2026

I. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	C	A	C	A	B	C	C	D	B	A	A	B	A	C	B	D	C	B	C

II. TỰ LUẬN

Câu	Lời giải	Điểm
21 (1,5 điểm)	$\text{a) } \frac{5}{4} + \frac{-11}{20} + \frac{7}{10}$ $= \frac{25}{20} + \frac{-11}{20} + \frac{14}{20}$ $= \frac{28}{20} = \frac{7}{5}$	0,25 0,25
	$\text{b) } \left(\frac{-1}{2}\right)^2 \cdot \frac{13}{19} + \frac{6}{19} \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)^2$ $= \frac{1}{4} \cdot \frac{13}{19} + \frac{6}{19} \cdot \frac{1}{4}$ $= \frac{1}{4} \cdot \left(\frac{13}{19} + \frac{6}{19}\right)$ $= \frac{1}{4} \cdot 1 = \frac{1}{4}$	0,25 0,25
	$\text{c) } \frac{39}{5} + \left(\frac{9}{4} - \frac{9}{5}\right) - \left(1\frac{1}{4} + \frac{13}{7}\right)$ $= \frac{39}{5} + \frac{9}{4} - \frac{9}{5} - \frac{5}{4} - \frac{13}{7}$ $= \left(\frac{39}{5} - \frac{9}{5}\right) + \left(\frac{9}{4} - \frac{5}{4}\right) - \frac{13}{7}$ $= 6 + 1 - \frac{13}{7}$ $= 7 - \frac{13}{7} = \frac{36}{7}$	0,25 0,25

22 (1 điểm)	$\frac{-3}{5} + \frac{8}{5}x = \frac{-1}{2}$ $\frac{8}{5}x = \frac{-1}{2} + \frac{3}{5}$ $\frac{8}{5}x = \frac{1}{10}$ $x = \frac{1}{10} : \frac{8}{5} = \frac{1}{10} \cdot \frac{5}{8}$ $x = \frac{1}{16}$	 0,25 0,25
	b) $2x + \frac{2}{3} = -0,2$ $2x + \frac{2}{3} = \frac{-1}{5}$ $2x = \frac{-1}{5} - \frac{2}{3}$ $2x = \frac{-13}{15}$ $x = \frac{-13}{15} : 2$ $x = \frac{-13}{30}$ Vậy $x = \frac{-13}{30}$	 0,25 0,25
	a Thê tích của bể bơi là: $8.4.0,5 = 16 (m^3)$. b Đổi: $16 (m^3) = 16000 (dm^3) = 16000 (l)$ Lượng nước máy bơm vào bể sau 5 giờ 5 phút (bằng 305 phút) là: $50.305 = 15250 (l)$ Vì: $15250 < 16000$ Vậy nên sau 5 giờ 5 phút bể vẫn chưa đầy nước.	 1 0,25 0,25
23 (1,5đ)	Bài giải: Sau 2 tháng, giá của chiếc điện thoại là $35000000 \cdot (100\% - 2\%) = 34300000$ đồng	0,25
	Sau 2 tháng tiếp theo, giá của chiếc điện thoại là $34300000 \cdot (100\% - 2\%) = 33614000$ đồng	0,25
	Sau 2 tháng tiếp theo, giá của chiếc điện thoại là $33614000 \cdot (100\% - 2\%) = 32941720$ đồng	0,25

	Sau 2 tháng tiếp theo, giá của chiếc điện thoại là $32\,941\,720 \cdot (100\% - 2\%) = 32\,282\,885,6$ đồng Vậy sau 8 tháng, chị Mai có thể mua được chiếc điện thoại Iphone 16 Pro Max 256GB	0,25
--	--	------

1. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

Năm học: 2025- 2026



T T	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng		Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu hỏi		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TN	TL	
1	Số hữu tỉ	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	2 0.5đ		1 0,25đ		1 0,25đ				10 2.5đ	5 3đ	5,5
		Các phép tính với số hữu tỉ (14tiết)	4 1đ		1 0,25đ	1 1đ	1 0,25đ	2 2 đ		1 1đ			
2	Số thực	Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn	1 0.25đ		1 0.25						4 1đ	1 0,5đ	1.5
		Căn bậc hai. Số vô tỉ	2 0,5đ			1 0,5đ							
3	Các hình khối trong thực tiễn	Hình hộp chữ nhật và hình lập phương	2 0,5đ		1 0,25 đ			2 1,5đ			5 1,25đ	2 1,5đ	2.75
		Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác	1 0,25đ		1 0,25đ								
4	Góc và đường thẳng	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	1 0,25đ								1 0,25đ		0,25đ

	song song												
Tổng: Số câu Điểm			13 3.25đ		5 1,25 đ	2 1.5đ	2 0.5	3 2.5đ		1 1đ	20 5đ	6 5đ	10,0
Tỉ lệ %			35%		25%		30%		10%				100%
Tỉ lệ chung			60%				40%						100%

2. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7



TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá		Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
ĐẠI SỐ							
1	Số hữu tỉ	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ.	Nhận biết:	2TN			
			– Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ.				
			– Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ.				
			– Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ.				
		Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	Nhận biết:		1TN		
			– Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.				
		Các phép tính với số hữu tỉ	Thông hiểu:	4TN			
			– Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số.				
			Vận dụng:				
	– So sánh được hai số hữu tỉ.			1TN			
	Nhận biết:						
	– Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa).						
Thông hiểu:							
	– Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ.		1TN	1TL			
	Vận dụng:			1TN	2TL		
		– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ.					

			– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...). Vận dụng cao: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về số hữu tỉ.				
							1TL
		Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn	Nhận biết: Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn	1TN			
			Thông hiểu: Viết một phân số về dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn		1TN		
		Số vô tỉ. Căn bậc hai số học	Nhận biết: Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm	2TN			
			Thông hiểu: Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay		1TL		
HÌNH HỌC							
2	Các hình khối	Hình hộp chữ nhật và	Nhận biết: Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.	2TN			

	trong thực tiễn	hình lập phương	Thông hiểu – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...).		1TN 2TL		
		Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác	Nhận biết – Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật, ...).	1TN			
			Thông hiểu – Tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. – Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác,...).		1TN		
3	Các hình học cơ bản	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	Nhận biết – Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (Hai góc đối đỉnh)	1TN			

